

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sư phố Richaud, Hanoi

慧 燭 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chánh hội trưởng
hội Phật Giáo
Quản lý
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bằng-Sở

Phó chủ bút
DUONG-VAN-HIEM
Sư cụ chùa Tả-Cái



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

Kính trình các hội-viên hội Phật-giáo và các vị độc-giả báo « Đuốc-tuệ »

Ngài nào dời chỗ ở thì xin gửi thư về ngay nói cho chúng tôi biết để tiện gửi thư từ báo sách khỏi thất lạc xin các ngài nhớ kỹ cho.

Kính trình các giáo-hữu hội-viên hội Phật-giáo

Báo « Đuốc-tuệ » ấn-hành là cốt diễn-dịch những kinh sách nhà Phật để cho thập phương thiện tín cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc ; ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả.

Vậy kính trình các giáo-hữu ai đã nhận mua báo rồi thì xin đem tiền giả tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình mà lấy giấy biên lai ; ai chưa nhận mua báo thì xin biên rõ tên họ và chỗ ở giao tại ông chánh đại-biểu địa-phương mình hay là gửi thẳng về chùa Quán-sứ Hanoi để chúng tôi gửi báo tới.

Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý hội Phật-giáo ở các địa-phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên-lai nhận tiền báo để ai gửi giả tiền báo thì ngài biên lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

BẢN BÁO KHẢI SỰ

Vì mấy số báo đầu hết cả vậy từ nay ai mua năm hoặc mua nửa năm, chúng tôi xin gửi từ số 20 trở đi mà hạn mua báo sẽ kể bắt đầu từ đấy.

Thư từ và mandat xin nhớ gửi cho ông Cung-đình-Bính quản-lý báo Đuốc-tuệ chùa Quán-sứ, phố Richaud Hanoi.

PHẬT-GIÁO ĐỐI VỚI NHÂN-SỰ

*Tin-ngưỡng Phật-giáo có mấy điều ích lợi về
nhân-sự như sau này :*

1. — Tin-ngưỡng Phật-giáo thuộc về trí-tin chứ không phải mê-tin

ĐỨC Khổng-tử nói : Sự gì mình biết thời nói là biết, sự gì mình không biết thời nói là không biết, thế là người biết vậy, Ngài lại nói rằng : Ta có biết đâu, ta vẫn không biết, Ngài lại nói nữa rằng : Đến chỗ chỉ-đạo thời đầu cho bậc Thánh-nhân cũng còn có điều không biết, Ngài lại nói : Chưa biết sự sống, sao biết sự chết, ý giả Khổng giáo còn có chỗ khuyết-nghi. Ôi ! Mình biết mà mình tin là phải lắm, mình không biết mà cũng tin là dối mình. Ta thường thấy những người mê-tin nói rằng : Cái lý mẫu-nhiệm tối cao chỉ có ông chủ-tể tạo-vật mới biết được. Như thế có khác gì pháp-luật của nước chuyên chế, không thể cho dân cùng biết. Phật-giáo thời không thế, cái đại-cương của Phật-giáo là : Phúc tuệ xong tu, bi-trí đều tiến, từ khi mới phát tâm đến khi thành Phật, cốt lấy chuyển sự mê ra sự ngộ, trái nẻo vọng về đường chân làm một sự nghiệp rất nhơn. Đây nói chữ ngộ không phải nhắm mắt theo liều mà bảo là ngộ đâu, trong giáo-nghĩa của Phật nói rằng : Kẻ nào chưa hiểu đạo Phật mà tự xưng là tin Phật, cái tội kể ấy lại nặng hơn kẻ báng Phật. Vì sao thế ? Vì kẻ báng Phật còn có bụng hoài nghi, do sự nghi mà vào sự tin, thời cái tin ấy mới chắc chắn. Đức Thế-tôn thuyết-pháp 49 năm, các bài giảng thuyết có quan-hệ đến triết-học mười phần đến tám chín, bàn bạc đến chỗ khó bàn, mở bày đến chỗ khó mở, cốt khiến người ta nuôi cái chân-trí mà cầu sự chân tin đó thôi. Sự tin-ngưỡng của các giáo khác, cho là trí-tuệ của bậc giáo-chủ kể giáo-đồ không thể tới được.

cho nên lấy sự cương tín (gương tin) làm cứu-cánh. Phật-giáo thời cho cái trí-tuệ của tin-dễ cũng bình-đẳng với cái trí-tuệ của vị giáo-chủ, cho nên lấy khởi-tin làm pháp-môn. Sự tin mà không mê của Phật-giáo chính ở chỗ đó.

2. — Tín-nguỡng Phật-giáo là kiêm-thiện chứ không phải độc-thiện

Phàm các vị giáo-chủ sáng giáo đều muốn đem cái giáo-ngĩa của mình mà cải tạo thiên-hạ, cho nên cái lý của các vị giáo-chủ không vị nào là không lấy sự kiêm-ái làm qui-hướng, nhưng nói đến sự kiêm-ái cực điểm, thời không giáo nào bằng Phật-giáo. Xem như Phật nói rằng : Còn có một kẻ chúng-sinh nào chưa thành Phật, thời ta đây cũng sẽ chưa thành Phật ; đến như dạy người ta thời Phật nói rằng : Duy có kẻ nào làm hạnh Bồ-tát là được thành Phật, còn kẻ tu hạnh Độc-giác lâu không được thành Phật, vì Độc-giác lấy mình chứng-quả một mình làm mãn-túc. Phật-học có hai đường : Một là do phàm-phu mà thẳng làm hạnh Bồ-tát, bởi làm hạnh Bồ-tát mà được thành Phật, một đường nữa là do phàm-phu mà chứng quả La-hán, sau chứng quả Tịch-chi, tức là Độc-giác, hoặc gọi là Thanh-văn, hoặc gọi là Nhị-thừa, Tịch-chi Phật cùng với Phật còn cách một trùng. Người tu hạnh Thanh-văn Nhị-thừa, chứng đến ngôi Tịch-chi đã là cứu-cánh. Cho nên Phật nói rằng : ta sẽ không cùng kẻ Thanh-văn Nhị-thừa thuyết-pháp, Phật có ghét gì bậc ấy mà cự-tuyệt đến thế đâu, chỉ vì kẻ phàm-phu báng Phật còn mong có ngày thành Phật, chứ như bậc Nhị-thừa kia thời thật dốt mắt giống Phật, không thể thành Phật được nữa.

Thế nào gọi là Bồ-tát hạnh ? Phật nói rằng : Mình đã độ được mình rồi, lại độ cho người ta, ấy là Phật-hạnh. Chưa hay độ mình, mà trước độ người, ấy là Bồ-tát phát-tâm. Cho nên bậc Sơ-địa bồ-tát cũng còn hơn bậc A-la-hán, vì phát-tâm độ người, sau chứng đến ngôi vô-thượng chính-giác. Các vị làm hạnh Bồ-tát hiện nay cũng còn nhiều vị chưa thành Phật, hoặc có vị đã thành Phật rồi, nhưng lại hiện thân Bồ-tát cũng chưa biết chừng. Vì sao Bồ-tát chưa

chịu thành Phật? Vì còn có một kẻ chúng-sinh nào chưa thành Phật, thời Bồ-tát cũng thế chưa thành Phật. Ôi ! Học Phật lấy sự thành Phật làm hi-vọng thứ nhất, nay lại vì muốn độ chúng-sinh mà chưa thành Phật, là hi-sinh cái hi-vọng rất nhón về sự cứu người. Phật-giáo cũng không phải là kiêu-cường mà thế đâu, bởi vì thấy cái căn-tính của chúng-sinh cùng với chư Phật là một, thế thời chúng-sinh mê mà một mình ta ngộ, chúng-sinh khổ mà một mình ta vui, không có lẽ thế, cũng ví như đã sinh vào trong một nước nào, mà cả quốc-dân ngu một mình ta trí, cả quốc-dân nguy một mình ta yên, cả quốc-dân khổ một mình ta sướng liệu được chăng ? Hiểu được lẽ ấy thời dù cho hi-sinh cả tính-mệnh mà cứu giúp chúng-sinh cũng không từ chối.

3. — Tín-ngưỡng Phật-giáo là yêu đời chứ không phải chán đời

Rõ được cái nghĩa Bồ-tát cùng với cái nghĩa Độc-giác thời biết Phật-giáo không phải là chán đời. Các nhà Nho-giả đời Tống chê Phật, cho là đạo Phật chỉ cốt ở sự thanh-tịnh tịch diệt mà thôi, song cái thuyết ấy cùng với đại-thừa Phật giáo lại thành tương phản. Cảnh-giáo cũng giống như hạ-thừa Phật-giáo, cũng chỗ một nơi Thiên-đường xa lắc xa lơ để giỗ hẳn người đời, ấy cũng là một cái yếu-thuật để dụ tiến ngu-dân, song tự Phật coi ra thời cũng lạc vào hạng Nhị-thừa Thanh-văn vậy. Phật cũng nói Thiên-đường, song sự cầu đảo không phải là Thiên-đường hữu hình, chính là Thiên-đường vô-hình ở bản-tâm, cho nên Phật nói rằng : không chán sinh-tử mà cũng không thích Nát-bàn, lại nói rằng : Địa-ngục cùng với Thiên-đường đều là Tịnh-độ, vì có gì thế ? Là do Bồ-tát phát tâm lẽ phải như thế. Trong thế-giới chưa đến cái thời kỳ hết thầy chúng-sinh đều thành Phật, thời tìm đâu được nơi văn-minh cực-lạc, kể kia mê mà ngu đương đợi người đến cứu, chứ không mong gì sang một thế-giới khác, thế mà kẻ ngộ và trí lại đi ưa cõi khác mà chán cõi này, thời cái trách-nhiệm liến hóa ai đảm đang cho, cho nên có kẻ hỏi Phật rằng : Ai phải vào địa-ngục ? Phật nói : Ta phải vào Địa-

ngục, ta không những vào Địa-ngục, ta lại thích ở luôn địa-ngục nữa, ta lại thích sửa sang địa-ngục nữa. Ôi ! Học Phật mà đến sự thích sửa sang địa-ngục thì có cái nguyện-lực rộng hơn biết là nhường nào ! Nếu Phật không thích ở địa-ngục mà sửa sang địa-ngục thì sao hay biến địa-ngục làm Thiên-đường được ; cũng như bên Bắc-mỹ kia vài trăm năm về trước cũng là một nơi địa-ngục mà ngày nay đã mau tiến-hóa được thế, là nhờ ở vài trăm người quàn-tử ra đẩy ở đấy, mà sửa sang đấy. Biết được nghĩa ấy, thì nhỏ có thể cứu được một nước, mà hơn có thể cứu được cả thế-giới vậy.

4. — Tín-ngưỡng Phật-giáo là bình-đẳng chứ không phải giai-cấp

Các tôn-giáo khác đều cho hết thầy chúng-sinh đều ở dưới quyền một vị giáo-chủ, mà không ai ngang được với vị giáo-chủ ấy, Phật-giáo thì không thế, Phật nói rằng : hết thầy chúng-sinh đều có tính Phật, đều thành được Phật, Lại nói rằng : hết thầy chúng-sinh đều là những vị Phật ở đời tương-lai cả, sinh tử với Nát-hàn cũng như khi mẹ với khi lính. Lại nói rằng : chúng-sinh là người chưa đắc-đạo, chứ Phật là người đắc-đạo. Cái mục-đích lập-giáo của Phật là muốn cho người ta ai cũng thành Phật, cũng ngang hàng với Phật, bình đẳng là nhường nào !

5. — Tín-ngưỡng Phật-giáo là do tự lực chứ không phải ỷ-lại.

Các tôn-giáo đều nói sự họa phúc, mà dạy người cầu đảo hay lễ bái để cầu phúc tránh họa, đều ỷ lại về ngoại lực cả.

Phật nói họa phúc là cái thuyết nhân-quả : cái quả hiện-tại là cái nhân quả-khứ ; cái nhân hiện-tại là cái quả vị-lai ; nếu đã gây nên cái nhân dữ, mà muốn cho sau không có cái quả dữ, thì không có lẽ thế ; đã gây nên cái nhân lành mà lại sợ sau không kết cái quả lành thì cũng không có lẽ thế ; sự cảm triệu của nhân quả cũng như sự Điện-báo, ở tỉnh A mà động máy điện nhiều ít bao nhiêu, dẫu

cho có cách xa thế nào, ở tỉnh B cũng phát-hiện từng ấy, mây lông không sai, cái nghiệp-duyên lành dữ của người chứa trong cái thức A lại ra là thức thứ 8, cũng như thế. Cho nên kẻ học đạo phải thận-trọng ở chỗ tạo-nhân; cái nhân ta đã gây ra, thời người khác không thể tiêu đi được; cái nhân ta chưa tạo thời người khác cũng không thể tạo thay được. Không những một đời mình thân ta thế đâu, Phật nói cái đời ngũ trước ác thế này là do cái nghiệp thức của chúng-sinh huân tập mà nên. Cái ác-nghiệp của chúng-sinh dựng nên có một bộ phận thuộc về phổ thông, một bộ phận thuộc về đặc biệt; cái bộ-phận phổ thông ấy huân-tập mà kết nên cái khí-thế-gian này, (tức là vũ-trụ); còn cái bộ phận đặc-biệt thời đều có linh-hồn mình làm mình phải chịu, hai cái nghiệp ấy từ đời vô-thủy tới nay chứa chất huân tập không cùng không tột; cho nên kẻ học đạo một mặt phải tạo cái thiện-nhân thiết thực để cứu sự đọa lạc của bản thân, một mặt phải tạo cái thiện-nhân rộng-nhơn để cứu sự đọa-lạc của khí-thế-gian là cái thế-giới ta vẫn ở. Sao vậy? vì cái khí-thế-gian này mà còn ác-trước, thời một mình ta cũng không thể yên vui được; cho nên nói rằng nếu còn một kẻ chúng-sinh nào chưa thành Phật thời ta đây cũng thế chưa thành Phật. Biết được nghĩa ấy thời giúp ích cho quốc dân nhiều vậy. Sự đồi bại suy nhược của một nước không phải vụt chốc mà nên, bởi vì người xưa tạo ra cái nhân dữ, ngày nay chúng ta phải chịu cái quả dữ, nay ta không thể mong ở người xưa cứu giúp cho ta nữa, chúng ta phải cùng nhau chống tạo nên cái nhân lành, thời cái quả lành một vài năm sau hoặc vài mươi năm sau, hoặc trăm năm về sau có thể thu được, cứ tạo mãi cái nhân lành mà không thôi thời nước ta có thể bước lên con đường tiến hóa vô cùng vậy. Nhân dữ cũng thế, cái nhân dữ của người xưa nó đã lan ra mà nay ta lại tưới tẩm vun xới thêm vào, thời sự di hại cho tương-lai biết đâu mà kể; cho nên cái thuyết nhân quả của Phật thật là cao thượng viên mãn ở trong khoảng giới đất này vậy. Gần đây các vị Hiền-giả như ông Đạt-nhĩ-văn, ông Tu-lân-tác dựng ra cái thuyết Tiến-hóa học. Xét đến cái công-lý đại lẽ cũng không ra ngoài được cái phạm-vi hai chữ nhân-

quả, chẳng qua một đấng thời nói cái lý, một đấng thời nói cái pháp đó thôi, Phật-giáo có quan thiết với nhân-sự và thực-dụng là thế, không như các tôn-giáo khác chỉ dạy người ta cái căn-linh ý-lại mà thôi. Tiên-triết có câu rằng: giờ tác nghiệt còn trốn được, chứ tự mình tác nghiệt không thể trốn được. Lại nói rằng: Phúc hay họa là do mình tự cầu lấy đó thôi. Nho-giáo cũng có nói cái lý nhân quả, nhưng không được rõ như Phật nói, mới biết Phật-giáo rộng hơn biết là như thế nào ?

Có kẻ hỏi rằng: Phật-giáo có ích cho nhân sự, sao nước Ấn-độ là Tò-quốc của Phật-giáo mà nay hủ bại đến thế ? kẻ hỏi thế là vì không hiểu lịch sử, nước Ấn-độ mà suy không phải là tự Phật-giáo, chính bởi Ấn-độ không chịu thực hành Phật-giáo. Phật diệt-độ đến thế-kỷ thứ 10 toàn nước Ấn-độ đã không còn một tí gì là Phật-tích cả, mà cái dư-diêm của giáo Bà-la-môn lại nổi lên, cái quan-niệm bình-đẳng của Phật-giáo đã tiêu vong, mà cái tập-quán áp-chế lại hiện ra, sau Ấn-độ lại bị Hồi-giáo lấn cướp, ngày nay nước Ấn-độ bị điều tàn, tội đó không phải ở Phật-giáo, cũng như Cảnh-giáo phát-tích ở Do-thái mà nay nước Do-thái bị tiêu-diệt không còn, thế thời sao không lấy sự tiêu-diệt của Do-thái mà quy tội cho Cảnh-giáo. Song cũng là một sự đáng ngờ thực, trên thế-giới này có hai Tôn-giáo hơn nhất là Phật-giáo và Gia-giáo mà đều không thịnh-hành ở nơi Tò-quốc, lại thịnh-hành ở các nước lân-bang, cũng đáng phân nản lắm vậy.

Nguyên văn chữ Hán của Lương-khai-Siêu

Thái-hòa ĐỖ-TRẦN-BẢO dịch



CÁC TƯỢNG PHẬT THỜ TRÊN CHÙA

(Tiếp theo)

17. — Tượng Thập-diện + 殿

Tượng Thập-diện tức là tượng thờ 10 vị vua coi 10 điện dưới địa-ngục cõi u-minh-giới.

Theo trong sách Phạm thì người chết cứ 7 ngày phải qua một cửa điện nơi u-minh-giới để một vị Minh-vương 冥王 xét hỏi xem thiện-ác thế nào. Qua « 7 lần 7 ngày » là tuần « Tứ-cửu », rồi đến tuần « Bách-nhật », rồi đến ngày « rồ đầu » và « 33 lần ngày rồ » về sau nữa, đều phải trải 13 ông vua xét hỏi tội-nghiệp. 13 ông vua ấy lại tức là 13 Đức Phật hóa-thân ra. Mỗi vua coi một cửa ngục, có đến 18 cửa ngục, mỗi cửa ngục có một thứ hình-pháp gồm ghê như : Xe lửa, vạc dầu, đường sắt v. v.

Ngục-tốt thì là những quý-sứ mình người mà đầu trâu, mặt ngựa, làm việc canh ngục và hành hình.

Song thế-tục thì chỉ nhớ có 10 vị vua coi 10 cửa điện mà gọi là Thập-diện, là :

- 1) *Tân-quảng-vương* 秦廣王, tức là Bất-động Minh-vương, giữ tuần « 7 ngày thứ nhất. »
- 2) *Sơ-giang-vương* 初江王, tức là Phật Thích-ca, giữ tuần « 7 ngày thứ hai. »
- 3) *Tống-đế-vương* 宋帝王, tức là Đức Văn-thù, giữ tuần « 7 ngày thứ ba. »
- 4) *Ngũ-quan-vương* 五官王, tức là Đức Phổ-hiền, giữ tuần « 7 ngày thứ tư. »
- 5) *Diêm-la-vương* 閻羅王, tức là Đức Địa-tạng, giữ tuần « 7 ngày thứ năm. »
- 6) *Biến-thành-vương* 變成王, tức là Đức Di-nặc, giữ tuần « 7 ngày thứ sáu. »
- 7) *Thái-sơn-vương* 泰山王, tức là Đức Dược-sư, giữ tuần « 7 ngày thứ bảy. »

8) *Bình-dẳng-vương* 平等王, tức là Đức Quán-âm, giữ tuần « bách nhật. »

9) *Đô-thị-vương* 都市王, tức là Đức Thế-chí, giữ tuần « rồ đầu. »

10) *Ngũ-dạo chuyển-luân vương* 五道轉輪王, tức là Đức A-di-đà, giữ tuần « rồ hết » (rồ năm thứ ba).

10 Đức vua cõi u-minh trên ấy, thế-tục lấy tên vua điện thứ năm là Diêm-la mà gọi tóm cả 9 vị kia là « *Diêm-vương* ». Tượng 10 vua và 10 cửa ngục tức tục gọi là « *động* ».

Còn 3 vị nữa cũng tượng lục ra đây cho đủ :

11) *Liên-hoa-vương* 蓮花王, tức là Phật A-thiền.

12) *Kỳ-viên vương* 祇園王, tức là Phật Đại-nhật.

13) *Pháp-giới-vương* 法界王, tức là Phật Hư-không tạng 虛空藏.

Trong các tầng địa-ngục lại còn nhiều địa-ngục nhỏ gọi là « *Địa-ngục chu tâm* 誅心地獄 ». Suy nghĩa hai chữ « *Chu tâm* 誅心 », thuyết địa-ngục như thế thực viên mãn.

13. — Tượng 16 vị A-la-hán 阿羅漢

A-la-hán (Tiếng Phạm : Arhat) là *vô-sinh*, là *giết hết giặc phiền-não*, là một ngôi Thánh bậc nhất trong bốn ngôi Thánh về Tiều-thừa, thường gọi tắt là La-hán. Cứ trong kinh Tiều-thừa thì Đức Thích-ca cũng gọi là A-la-hán, mà các đại đệ-tử cũng gọi là A-la-hán. La-hán số có nhiều, như kinh « *Phật Bản-hạnh* » nói thế-gian bảy giờ mới có « 60 vị La-hán. » Lại hội kết tập kinh sách ở hàng Kỳ-xà-quật có 500 vị đệ-tử của Phật cũng gọi là « 500 vị La-hán ». Trong các chùa thường tạc tượng 18 vị La-hán để thờ ở hai dãy hành-lang là theo trong sách *Pháp-trụ ký* 法住記. Nhưng số La-hán trong *Pháp-trụ-ký* thì chỉ có 16 vị mà thôi, và nói 16 vị Đại A-la-hán vâng lời sắc-lệnh của Phật, trụ cư mãi-mãi ở thế-gian này mà tể-độ cho chúng-sinh. Tên hiệu và chỗ cư-trụ của 16 vị, sách *Pháp-trụ ký* đều nói tường. Sách *Pháp-trụ ký* là thuyết của Tôn-giả Nan-đề-mật-đa-la 難提密多羅, ở

nước Sư-tử (nay là đảo Tích-lan), thuật lời của Phật thuyết-pháp trong một bộ kinh gọi là Pháp-trụ kinh. Còn thuyết 18 vị La-hán là do người Tàu nhân 16 vị trong Pháp-trụ ký mà thêm hai vị nữa vào. Vậy dưới đây, trước liệt tường 16 vị trong sách Pháp-trụ ký, sau sẽ biện luận cho biết thuyết của Tàu sai lầm thế nào.

16 vị La-hán trong sách Pháp-trụ ký là :

- 1^o *Tân-độ-la-bạt-ra-nọa-xà* 賓度羅跋囉惰闍 (Pin-dolabharadvaja) Tôn-giả. (Vị này bản dịch cũ dịch là : Tân-dâu-lư-phả-la-đọa-thệ).
- 2^o *Ca-nặc-ca-phạt-xa* 迦諾 ○ 伐蹉 (Kanakavatsa) Tôn-giả.
- 3^o *Ca-nặc-ca-bạt-li-nọa-xà* 迦諾 ○ 跋利惰闍 (Kanakabharadvaja) Tôn-giả.
- 4^o *Tô-tần-đa* 蘇頻陀 (Suvinda) Tôn-giả.
- 5^o *Nặc-cự-la* 諾距羅 (Nakula) Tôn-giả.
- 6^o *Bạt-đa-la* 跋陀羅 (Bhadra) Tôn-giả.
- 7^o *Ca-li-ca* 迦理 ○ (Karika) Tôn-giả.
- 8^o *Phạt-xà-la-phất-đa-la* 伐闍羅弗多羅 (Vajraputra) Tôn-giả.
- 9^o *Thú-bác-ca* 戍博迦 (Svaka) Tôn-giả.
- 10^o *Bán-thác-ca* 半托 ○ (Panthaka) Tôn-giả.
- 11^o *Ra-hỗ-la* 囉怛羅 (Rāhula) Tôn-giả.
- 12^o *Na-ca-tê-na* 那伽犀那 (Nāgasena) Tôn-giả.
- 13^o *Nhân-kiết-đa* 因揭陀 (Ingata) Tôn-giả.
- 14^o *Phạt-na-bà-ti* 伐那婆斯 (Vanavasin) Tôn-giả.
- 15^o *A-thị-đa* 阿氏多 (Ajita) Tôn-giả.
- 16^o *Chú-đồ-bán-thác-ca* 注荼半托 ○ (Cudapanthaka) Tôn-giả.

Trong sách Pháp-trụ ký chỉ có 16 vị La-hán như thế, còn 18 vị thì mới tự nhà Trương-thị đất Thục bên Trung-quốc vẽ ra tranh, rồi ông Tô-thúc làm bài tụng-tán. Tranh này trong lấy 16 vị La-hán như trên mà thêm vào 2 vị nữa là « *Khánh-hữu Tôn-giả* » và « *Tân-dâu-lư* » Tôn-giả. Nhưng xét ra « *Khánh-hữu* » chính là dịch nghĩa ở tên *Nan-đề-mật-đa-la* là tên tác-giả sách Pháp-trụ-ký, người ở

cách đời Phật đến 800 năm. Còn « *Tán-dầu-lư* » thì tức là *Tán-dồ-la-bát-ra-nọa-xá* Tôn-giả vị thứ nhất trên kia, cùng do một tên Phạm mà bản dịch cũ dịch hơi sai âm với bản dịch mới đó mà thôi. Thế mà ông Tô-Thức cũng đều làm bài tán nhận là 18 vị La-hán. Cho nên vua Kiền-long nhà Thanh có làm bài khảo-chứng nói rằng: « Chỉ vì tiếng-chúng ở ta không biết tiếng Phạm mà truyền sai dần đi, nên ông Tô-thức cũng không khỏi bị kẻ khác làm lầm lậy. » Đây theo Phật-học đại từ-điền khảo cứu đã dịch-xác nên chỉ nhận có 16 vị La-hán mà thôi.

19. — Tượng Đức Tô Tây

Trên ban thờ các vị Tô-sư trong chùa, thường có một pho tượng dong mạo người Tây-phương, mũi cao, tóc quăn, râu quai nón, tục thường gọi là Đức Tô Tây. Ấy là tượng Đức Tô Đạt-ma, Ngài là người ở bên Tây-trúc sang Tàu truyền đạo làm khởi tổ phái Thiền-tông ở Đông-phương đó. Nguyên tên tiếng Phạm của Ngài là « Bồ-đề Đạt-ma 菩提達磨 » (Bodhidharma). « Bồ-đề » là đạo, « Đạt-ma » là phép tắc, tức là Đạo-pháp. Nhưng ta quen gọi tắt là Đạt-ma mà thôi. Đạt-ma còn nhiều dịch-âm khác như Đạt-ma 達摩, Đạt-mi 達磨, Đà-ma 駄磨 cũng là một.

Ở Thiên-trúc, Ngài là giòng dõi nhà Xát-đế-lị tức là nhà vua chúa, nước Ngài ở về phía nam Thiên-trúc. Cha là Hương-chí, Ngài là con thứ ba. Xuất-gia thành đạo, niên-hiệu Phồ-thông năm đầu đời nhà Lương bên Tàu, Ngài đáp tàu ở vượt bể tới Quảng-châu, vua nhà Lương mời Ngài vào kinh-đô Kiến-nghiệp. Ngài đáp lời vua hỏi về đạo, vua không hiểu. Ngài bèn qua sông Dương-tử sang nước Ngụy, trụ ở chùa Thiếu-lâm. Xuất ngày ngồi nhìn vào vách, người ta gọi là ông thầy tu xem vách. Vua mời ba lần, Ngài không tới. Sau ngài truyền đạo pháp và áo cà-sa cho Đức Tô Tuệ-khả và tịch-độ ngày 15 tháng 10 năm Đại-thông thứ 2 đời Lương. Đến đời nhà Đường vua Đại-tông 代宗 tặng tên thụy cho Ngài là « Viên giác Đại-sư 圓覺大師 »

NGUYỄN-TRỌNG-THUẬT

LỊCH-SỬ CHÙA SƠN-THỦY (Ninh-Bình)

Bài diễn-thuyết của ông Đinh-gia-Thuyết
diễn ở chùa Sơn-thủy (Ninh-bình)

(Tiếp theo)

Sao gọi là chùa Sơn-thủy ? sơn là núi, thủy là nước, chùa Sơn-thủy tức là chùa Non-nước. Theo sách Hoàng-việt địa-dư, thời núi Dục-thủy mới có tên từ đời cụ Trương-hán-Siêu, còn trước vẫn gọi là « Thủy-sơn », núi có chùa gọi là « Sơn-thủy-tự ». Bây giờ chúng ta đi dạo con đường bờ-sông từ núi Hạc sang núi Thủy, ta còn thấy một nóc chùa nhỏ xây ở phía tây bên trong chỗ Linh-quang-dộng, trước cửa có đề 3 chữ « chùa Non-nước », đó tức là di tích của Sơn-thủy-tự ngày xưa. Thế thời chùa Sơn-thủy đã có ở núi Thủy, sao lại còn có ở núi Cánh-diều là nơi chúng ta đương cùng nhau ngồi thị Phật đây ? Tôi đã xem xét trước khi thảo câu chuyện này, thời ở núi Thủy, không thấy có bia chép đến việc chùa, tuy ở chùa Hạ bên kia, có 3 tấm bia, và ngay ở chùa Trung đây, cũng có mấy tấm bia, song chỉ là bia công đức, ghi tên những thiện-tín cúng tiền tu bổ việc chùa, duy có một tấm bia dựng trên núi đằng sau chùa Thượng là nói đến việc chùa, mà cũng chỉ nói qua, tôi xin dịch theo nguyên văn bài bia ấy :

« Phía đông bắc lĩnh-thành, có núi Cánh-diều, phía bắc
« hốc núi, đời xưa có chùa, là một nơi đại-danh-lam vùng ấy.
« Nhưng đã lâu ngày đổ nát, gần đây quan Tuần-phủ họ
« Nguyễn dựng lại chùa ở chỗ nền cũ, vẫn còn lạc-thảo chưa
« xong. Mùa xuân năm nay, nhà sư chùa Bích-dộng đến
« thăm tôi, yêu cầu tôi làm cho xong, tôi nghĩ : Có người
« khởi ra mà không có người noi theo, thời cái thắng-cảnh
« mấy nghìn năm về trước, có lẽ đến mất, liền chọn ngày tốt
« về cuối mùa hè khởi công làm. Xây 3 tòa chùa Thượng,
« Trung, Hạ, đằng trước dựng gác chuông, hai bên xây hai
« ngọn tháp, nay đã lạc-thành, cốt để bảo tồn cổ-tích mà
« thôi. Những lúc rỗi việc quan, lên chơi núi, hứng gió hương
« sen trên hồ, nghe tiếng thông reo hốc núi, trong đó chứa
« chan bao nhiêu là chân thú, không có thể nói xiết, vậy chép
« bài bia này.

Nhời minh rằng :

Chon-von núi đứng dăng sau,
Trước chùa nước chảy một màu trong xanh.
Một vùng cảnh tĩnh am thanh,
Khuôn thiêng xếp đặt đã dành từ xưa.
Trùng tu nọ tháp kia chùa,
Bảo tồn cổ tích đến giờ cho coi.
Khắc vào bia đá hẳn hoi,
Dấu thơm ghi để muôn đời về sau.

« Tháng cuối Thu năm Đinh-vy, niên hiệu Thiệu-trị thứ bảy, Lĩn
chức Tuần-phủ Ninh-bình họ Ngô hiệu là Giác-lai kính chép ».

* * *

Bài bia trên này, phải chăng là một đoạn thực-lục của lịch-sử chùa Sơn-thủy ? Cõi bài bia ấy, thời chùa Sơn-thủy vẫn có ở núi Cảnh-diều đây từ đời cổ, đã có một độ chùa đồ nát, chỉ còn có nền không, đến quan Tuần-phủ họ Nguyễn mới khởi tu, quan Tuần-phủ Ngô-giác-Lai tức cụ lớn Tuần-phủ Ngô-kim-Lân mới trùng tu, từ bấy giờ đến bây giờ, nghĩa là từ Thiệu-trị thất niên là khi dựng 3 tòa chùa, đến năm nay Bảo-đại thập-nhất niên vừa đúng 90 năm, mà tính trở lên, thời chưa biết rằng ngôi chùa Sơn-thủy của chúng ta, chẳng những là một nơi danh-lam, lại là một ngôi chùa tối cổ. Khu-vũ và cảnh-tri của chùa, tôi không cần phải tả rõ, thời các giáo hữu cũng đã xem xét khắp cả rồi. Tôi chỉ xin giới-thiệu các ngài : Chùa Sơn-thủy đây thực là sơn thủy hữu tình, nếu các ngài chịu khó trèo lên đến Vân-tiêu-các, đứng vững mà trông, thời cái đẹp của chùa, tôi tưởng mấy ông Trần-bình Lộc, Đông-Sơn, Trần-Phênh, cũng không tài nào vẽ nổi. Tôi không biết địa-lý, cũng không dám tin địa-lý, nhưng cứ ý tôi tưởng-tượng, thời chỉ cái kiểu đất « Cán thượng sinh chi, chi trung hóa cán, hậu giá loan xa, liễn triều ngự-tần » là kiểu đất núi Cảnh-diều mà nhà địa-lý cho là một kiểu đất rất quý, có lẽ chính cái hướng chùa Sơn-thủy, đã chiếm được dương-cơ. Nay đây : Ngọn núi cao từ bên trên chỗ tháp Vân-tiêu, hai bên bỏ xuống như hai cái tay ngại bao bọc lấy khu chùa rồi hai rẫy núi lấp hai bên, lượn vòng quặp lại trước cửa chùa, há chẳng phải là « cán thượng sinh chi, chi trung hóa cán ». Đằng sau, vách đá

khom-khom từ thấp lên cao, như hình cái mũi xe, chùa làm lọt ngay vào hốc núi, đằng trước hướng chùa trông thẳng lên núi Thủy núi Hạc, xa trông hai ngọn núi, tròn xoe như cái tán, vậy há chẳng phải là « hậu giá loan xa, tiền triều ngự tán » đó ư ?

Theo nhời các nhà địa-lý, kiểu đất qui ấy, nếu là âm-phần của nhà nào táng được, thời sự kết phát đến « vô liên bách vạn, văn chiếm tam khôi », nhưng nếu không phải là nhà đại phúc đức, thời chỉ tỏ sinh sự lồi thòi, vậy cái kiểu đất ấy, nếu quả ngôi chùa Sơn-thủy đã chiếm được dương-cơ, tướng cũng là ý hóa-công giun giúi.

Nói tóm lại, chùa Sơn-thủy gồm có ba cái đặc-sắc: Có cảnh thiên-nhiên, có kiểu địa-lý, có công đức của danh-nhân.

Ba cái đặc-sắc trên, tôi đã được hầu chuyện các ngài, đây tôi muốn nói đến Ngô-tướng-công là người có công tu tạo ra 3 tòa chùa Sơn-thủy.

Ngô-tướng-công húy Kim-Lân, làm Tuần-phủ Ninh-bình vào khoảng năm 1846, 1847, những công đức của ngài, còn lưu lại ở trong khoảng sông Vân núi Thủy, mà chúng ta ngày nay có thể trông thấy, tức là cái cảnh chùa đây. Chúng ta hậu sinh, không được biết ngài là bậc người thế nào, nhưng cứ coi việc ngài tự xuất cửa nhà ra làm chùa, dựng tháp, gõ tượng, đúc chuông thời ngài là người rất tôn sùng đạo Phật, đủ rõ lúc ngài cầm quyền chúa-lề địa phương Non-nước, ngài đã tỏ rõ ra là một vị đường-quan có nhân tâm, có đức chính, dân hạt Ninh-bình đều coi ngài như một ông Phật sống của muôn nhà.

Na-mô A-di-đà-Phật, tôi còn nhớ được mấy câu trong kinh Qui-nguyên tôi đã đọc qua:

« Phật thị giác dã, tinh-độ thị tâm dã, thử tâm thủy bất hữu chi, giác tắc Phật dã, mê tắc chúng-sinh dã ». 佛是覺也, 淨土是心也, 此心誰不有之, 覺則佛也, 迷則衆生也.

« Phật là bậc linh biết, cõi tinh tức là tâm linh, cái tâm linh ấy ai cũng có, duy linh biết thời là Phật mà mê muội thời là chúng-sinh ».

Mấy câu trên này, Ngô-tướng-công đã thể nhận thực hành, nên ngài tự hiệu là Giác-lai, hai chữ « Giác-lai », vừa có nghĩa là « tỉnh-lại », vừa có nghĩa là « biết tới », lại vừa có nghĩa là « đánh thức hay khua tỉnh người sau ».

Vậy thì Ngô-tướng-công chẳng những tôn sùng đạo Phật bằng hình-thức, mà lại tôn sùng bằng linh-thần, ngài muốn đem cái tâm linh giác ngộ của đức Phật làm tâm linh của mình, lại muốn cho hết thầy nhân-dân dưới quyền ngài phủ trị, đều có cái tâm linh giác ngộ. Đương cái thời-kỳ ấy, nếu hiện-tin địa-phương này là vùng đã được chịu cái ảnh-hưởng Phật-giáo của Ngô-tướng-công, ai nấy đều biết nhận đạo Phật làm cái đích giác ngộ, biết coi chùa Sơn-thủy là nơi tinh-độ, mà chau dỗi bồi bổ lấy tâm linh, tôi dám chắc rằng Phật-giáo chân-hung đã lâu rồi. Tiếc rằng có giáo-chủ mà không có tin-dở, có nơi Tinh-độ mà ít người hồi-hướng, thành ra chùa Sơn-thủy cũng chỉ như trăm nghìn cảnh chùa khác, mà rồi bia tháp rêu phong, đấng làm không khỏi trạnh lòng khách du !

Tuy nhiên, Hộ-pháp luận có câu :

Tụng Phật chi ngôn 誦佛之言.

Hành Phật chi hạnh 行佛之行.

Thị Phật nhi dĩ hĩ 是佛而已矣.

Nghĩa là : tụng nhời nói của Phật, làm việc làm của Phật, thời cũng được là Phật.

Kinh Qui-nguyên cũng có câu :

Ưc Phật niệm Phật 憶佛念佛.

Hiện tiền đương lai 現前當來.

Tất định kiến Phật 必定見佛.

Nghĩa là : Nhớ Phật niệm Phật, thời dù trước dù sau, thế nào cũng thấy Phật.

Vậy cái thời-gian đã qua, ta cũng không nên đoái tiếc, mà ta nên tiếc lấy cái cơ-hội hiện tại, để mong lấy cái kết quả tương lai. Nay chùa Sơn-thủy của chúng ta, đã nghiêm-nghĩn là một nơi giảng đường của chi hội Phật-giáo Bắc-

kỳ, ban đạo-sư và nhất là ban trị-sự hội ta, đương sốt sắng làm việc, cảnh chùa Sơn-thủy đã có vẻ cải quan tưng tiến, tức như nếp tam-quan lộng lẫy, đã xây ở ngoài kia. Tôi dám mong các giáo-hữu ta, ai nấy sẵn lòng ỷc Phật niệm Phật, đừng lăm đến việc chùa, thời lẽ cố nhiên là những câu tôi vừa chùng dẫn trên kia, sẽ có ảnh-hưởng đến chùng ta là tin-đồ của Phật.

Đứng trước cảnh chùa, tôi xin có hai điều mong ước :

1^o — Mong chi hội ta nên lập riêng một bàn thờ để kỷ-niệm Ngô tướng-rồng là người đã có công tu tạo ba tòa chùa Sơn-thủy, vì chỗ thờ ngài cùng quan Tuần-phủ Nguyễn chỉ là một gian trái chùa Hạ, chỗ ấy khuất mà nhỏ hẹp, coi rất kém về tôn-nghiêm.

2^o — Bên ngoài nếp Tam-quan, nên phá đoạn đường vào cửa cho hai lớp hồ chảy thông nhau, và đắp con đường vòng cung từ ngọn tháp bên nọ sang ngọn tháp bên kia, cho cái hồ thành hình bát nguyệt, rồi bắc một cái cầu như kiềng cầu Thê-húc đến Ngọc-sờn Hanoi, đi thẳng vào chính chỗ gác chuông, cho cảnh chùa Sơn-thủy trở nên một cảnh Bồng-lai ở giữa nơi bán thành-thị bán lâm-luyền, thời giảng-đường của chi hội ta sẽ có đủ phong-cảnh để hoan nghinh thiện-tín thập phương, ấy cũng là một cơ-hội giúp cho Phật-giáo chấn-hưng ở đây.

Ngoài ra, tôi tin rằng ban trị-sự cùng các giáo-hữu, có đủ từ tâm và nghị lực đối với mục-đích chấn-hưng Phật-giáo, tôi thiện kiến, không dám noi nhiều cho thêm rôm, chỉ xin cúi đầu tạ Phật và cảm ơn các giáo-hữu đã đến ngồi nghe tôi nói chuyện, và xin đem lòng thành thực, cung chúc hội Phật-giáo trường thọ, chùa Sơn-thủy ngày một mở-mang.

Na-mô A-di-đà Phật



NHÂN-VÂN-ĐÌNH THAM-THIÊN THI-THẢO

閒雲亭參禪詩草

(Tiếp theo)

11. — Chùa Thiên-mụ

天姥寺

Cách kinh-thành Huế chừng có 2, 3 cây số, có chùa Thiên-mụ. Sử chép : khi dừc Gia-long đã nhất thống Nam Bắc, ngài cùng quan Tả-quân Duyệt tới Thuận-hóa tìm nơi đóng kinh-thành. Vừa tới đó gặp mụ hàng bán nước trong lều. Mụ chỏ vào nơi kinh-thành nay, bảo định đó ở đây là đừc. Nói xong biến mất. Vua hiểu ngay, sau làm chùa thờ bà, gọi bà là Mụ Trời. Ngay chỗ lều nước đó, có xây cây tháp rất cao, trong có lối lên, như cây kỳ-đài vậy. Hiện nay vẫn còn tráng-lệ.

山	非	巫	峽	河	非	銀
天	姥	相	傳	此	現	身
遺	迹	猶	留	孤	塔	在
靈	聲	長	護	帝	城	春
樓	鐘	響	動	重	門	月
座	燭	烟	寒	九	陛	雲
國	史	有	書	裁	軼	事
玄	妃	此	後	一	流	人

DỊCH NGHĨA :

Sông Ngân đỉnh giáp nào đây,
 Truyền rằng Thiên-mụ chốn này hiện thân;
 Tháp xây lưu lại dấu thần,
 Tiếng thiêng-liêng rạng vẻ xuân kinh-thành.
 Chuông rung bóng nguyệt long-lanh,
 Đuốc từ soi tỏ năm canh cửa trời;
 Sử xanh ghi đề muôn đời,
 Huyền-phi (1) thừa trước, Mụ-trời thừa nay.

(1) Bà Cửu-thiên Huyền-phi giúp vua Hoàng-đế.

12. — Động Hương-tích

香 積 山 巔

Động Hương-tích thuộc huyện Mỹ-đức, Hà-dông. Động rộng mà sâu và cao, tua đá rủ xuống như là chàng-phan, bảo-cái, chuông, trống, v. v. Trong động lại núi nhỏ mọc hai bên, gọi là cây tiền cây bạc. Lại có đá tròn như quả cầu, gọi là đầu cô đầu cậu, ai có cầu-tự, lễ xong thì lấy tay vò vào đá ấy. Rừng mơ, suối Yến, núi Bát-âm, là phong-cảnh của động. Trên vách đá có 5 chữ lớn « Nam-thiên đệ-nhất động 南天第一巔 », đó là thủ-bút của đức chúa Thánh-tổ Thịnh-vương Trịnh-Sám.

一	南	天	此	一	山
傳	今	古	一	奇	觀
爐	迴	合	慈	雲	擁
乳	參	差	慧	月	寒
向	金	繩	扶	竹	步
人	花	徑	索	梅	看
我	從	偶	非	仙	界
春	來	過	一	樣	閒
萬	種	勞			

DỊCH NGHĨA :

Trời nam thứ nhất động này,
Thập phương nô-nức, xưa nay rồi truyền ;
Khói hương bốc về mây Thiên,
Mảnh tranh thếp-thoáng soi viên đá chum.
Nào người chống gậy lom-khom,
Vì mai ta những nom-ròm đường hoa.
Ngày xuân cửa bụt đạo qua,
Chữ lao kia đã dãi rá chữ nhân.

13. — Lại đi Hương-tích

重	拜	香	積	巔
祝	神	山	又	一
梯	欸	歎	歷	峻
花	疎	雨	陪	癡
偏	斜	陽	坐	老
嶺	寒	光	征	髮
苦	春	色	暗	香
頭	且	把	梅	枝
底	無	首	水	自
馨				
雲				
看				
點				
孤				
綠				
溪				
活				

Lại đi Hương-tịch chùa trời,
 Thang mây thử bước tới nơi mới là ;
 Hạc đội nền, đứng châu hoa,
 Bóng chiều bằng-lãng, sự già tụng kinh.
 Non cao cây cỏ mù xanh,
 Gặp xuân rêu bốc hương thanh ngạt-ngào.
 Suối kia thử hỏi mơ nào,
 Nước im im phắc, ra vào thấy ai.

KHUYÊN CÁCH HỌC-SINH HỌC PHẬT

(Bài Thái-hư pháp-sư giảng ở trường Quãn-hiền Thượng-hải)

Đem sự tu-hành Phật-pháp, mà so với sự ăn mặc là cần yếu của thế-gian, thì còn nên quan trọng gấp mười kia, vì sự ăn mặc chẳng qua là chỉ gìn giữ cái xác giả bằng địa, thủy, hỏa, phong mà thôi, chứ Phật-pháp làm cho ta hiểu rõ được cái thân thực thường, lạc, ngã, tịnh của ta kia. Chỉ hiềm vì các thầy thanh-niên nay theo học Phật, chưa chắc đã khỏi nổi gia-đình gàn trở. Mà cái tệ bệnh ấy, phần nhiều bởi tại khi trước Phật-pháp suy đồi làm cho người đời không thể miễn chuồng được, mà những kẻ gánh đội đại-pháp của Phật, ít hay nói nói mà xướng mình ra, hoặc lại phá hoại thêm cũng có. Bởi thế nên kẻ khúc-nho thì cứ cho là dị-giáo mà muốn bật cả cái gốc đi, kẻ tà-kiến được dẫn làm đồng-đạo mà làm loạn cả cái thực đi, đến nỗi kẻ bàn ngang người bàn dọc, bối rối lằng nhằng, đó là một nguyên-nhân to, phép màu chìm ngấm, đường cái sinh gai đó. Thế thì ngày nay muốn móc cái chìm lên, dọn cái gai đi, để cho đạo được khoáng trương, giáo được xướng thịnh, thì không thể chỉ đề một bên tăng-chúng là có chuyên-trách được, thế tất bên ưu-bà-tắc cũng đều dự có trách-nhiệm cả mới nên. Vậy lời xin nếu cái trách-nhiệm về các thầy nên làm như sau này :

- 1^o Độ thoát gia-đình vào trí kiến Phật.
- 2^o Giúp đỡ tăng-già gánh đội phép Phật.

Độ thoát gia-đình vào tri kiến Phật là thế nào? Người đời đều cho Phật-pháp là xuất thế, là tiêu-cực, đã cho là xuất-thế thì lại cho là nhà nào có một người con học Phật, tức là nhà ấy mất một người con, hầu hạ kính nuôi, không còn mong gì về con được nữa. Có biết đầu kinh Phật ngài dạy về sự hiếu rất rộng, mà làm người báo đáp vô cùng. Không những cái ơn của cha mẹ đời nay-phải báo, mà những ơn của cha mẹ từ bao nhiêu kiếp xưa đều càng nên báo, và báo ơn cũng không những hầu-hạ kính nuôi mà thôi, cốt muốn độ ra ngoài tam-giới, khỏi hẳn tội luân hồi, mới là xong việc. Sao mà nói báo ơn cha mẹ đời nay càng nên báo ơn cha mẹ nhiều kiếp trước? Vì là: cha mẹ kiếp xưa, cũng có người lạc về ác-đạo, người hoặc có kêu ca cầu cứu, mà ta thì mờ mịt biết đâu, chẳng nhớ sức Phật độ siêu, cậy ai mà vớt ra ngoài bể khổ, cho nên niệm Phật giới sát, tức là báo ơn cha mẹ kiếp xưa. Sao mà nói báo ơn cha mẹ là cốt muốn độ ra ngoài tam-giới? Vì là: người đời lấy sự hầu-hạ kính nuôi làm hiếu, nhưng phần nhiều là chỉ làm tăng thêm tội nghiệp cho mẹ cha, chẳng qua để cầu sự vui thích trước mặt, mà che tai mắt người phạm đó thôi, chẳng xem sự cụ Liền-trì có câu rằng: « Mẹ cha là chốn trần-hoàn, làm con như thế mới toàn-đạo con ». Nghĩa là: độ cho cha mẹ lìa cảnh khổ được cảnh vui, là hiếu rất lớn, chỉ trong phép Phật mới có thôi. Còn như kẻ ngờ Phật-giáo là tiêu-cực, bảo người ta sau khi học Phật, muốn việc không làm, mà về những sự nghiệp « hiền-dương-phụ-mẫu quang-đại-gia-môn » không còn có hi-vọng gì nữa. Có biết đâu, phép nhân-thặng của đạo Phật, chính là dạy làm việc đời cho tận thiện; phép ngũ-minh của bồ-tát, chốn nào không đều là những sự ích lợi lớn ở thế-gian, đến như phép dạy đại-thừa, thì phúc tuệ vẹn hai, hun đúc nên Ngã-hiền Thuấn, bởi nặn nên Hồng Châu há chỉ quang-đại gia-môn mà thôi à? Cứ những lời tôi nói trên, các thầy nên thường dùng để huấn lập trong gia-đình, khiến người nhà biết như vậy, thấy như vậy, thì chẳng những không sinh gàn trở, mà cả nhà đều hăm hở phụng hành Phật-pháp, đâu không xuất-gia mà như thực xuất-gia vậy.

Giúp đỡ tăng-già gánh đời phép Phật là thế nào? Vì

là : gánh đôi phép Phật, tuy vẫn ở tăng-già, nhưng ở đời
lương-quý này, mà muốn hoằng-dương Phật-pháp, thì phải
cần cư-sĩ. Nhưng cư-sĩ đã muốn giúp tăng hoằng-giáo, thì
phải nên có đủ 2 thứ này : là giới và thặng. Giới để tu hành,
thặng để giải ngộ, giới để chùa dũ, thặng để tỏ lành, giới để
thêm phúc, thặng để thêm tuệ, lại phải hiểu kinh Phạm-võng,
thông luận duy-thức, thì tu-hành chùa dũ để thêm phúc,
giải ngộ tỏ lành để thêm tuệ, mới có thể khuyên đủ người
đời cải tà quy chính được. Cư-sĩ mà hay như thế thì người
đời chẳng dám khinh tăng, chẳng khinh tăng tức là tôn
Phật, đã tôn Phật thì Phật-nhật soi cao, mây mờ tan hết,
còn vọng hoặc nào mà chẳng phá tan được.

Tóm lại 2 nghĩa trên đó, nếu quả hay theo lời mà làm
được đến chốn đến nơi, tức là gia-đình đã phụng Phật rồi,
thế-nhân đã quy chính rồi, thì rồi sẽ thấy cái thế-giới nhân-
loại chúng ta cho đến thế-giới A-tu-la, thế-giới súc-sinh,
thế-giới ngã-quý và thế-giới địa-ngục, khắc biến ra thế-giới
Phật hóa trang-nghiêm đó.

Xưa ông Cổ-đình-Quán có câu rằng : « Thiên-hạ mất hay
còn, thất-phụ đều có trách-nhiệm » tôi thì bảo ; tuyên-dương
Phật-hóa, trách nhiệm chỉ ở các thầy ; tôi sẽ theo các thầy
cố gắng mà cùng làm-việc.

Hoàng-mai, Viên-minh NGUYỄN-THƯỢNG-CẦN
Dịch trong Hải-trào-âm (Tàu)

TRUYỆN ÔNG LÔ-CHÍ TRƯỜNG-GIÁ

(Vua Đế-thích Hóa-thân bị kiện)

(Tiếp theo)

Sấm sửa chu tất cả rồi, cùng nhau lũ lượt đến thẳng
cung vua, ông Lô-chí nói với người linh canh cửa rằng :
nay tôi có chút vật mọn đem đến dâng lên Hoàng-thượng,
xin nhờ thầy làm ơn vào thông báo giúp.

Người linh lấy làm ngạc nhiên, khẽ đưa hai mắt nhìn
ông Lô-chí rồi mỉm cười, trong bụng nghĩ rằng : quái lạ,
mình ở đây đã 30 năm nay, chưa từng thấy lối chân ông

Lô-chí bước vào đây bao giờ, hôm nay lại có của đem cống hiến, việc đó chả biết thế nào, sẽ để thông thả xem sao đã, mãi sau vào lâu vua. Vua cũng không tin, vua ngồi yên tĩnh nghĩ rằng: ngày hôm nay chính là ngày đại-hội, hết thấy mọi người không ai còn thì giờ rồi đâu mà đến làm gì, mà chính Lô-chí xưa nay lại là người cực bôn sên, không có lẽ lại đến đây làm gì, hay là tên lính kia đem lời nói cợt đó chẳng? không có lẽ, tên lính theo hầu ta đã 30 năm nay, chưa từng nói dan một lời nào bao giờ, dễ thường Lô-chí xin vào thật, vả lại ta nay làm vua trong một nước, cũng vì như bề lớn có xá chi cái giòng nhỏ, lẽ nào ta lại so kê của người nhiều ít hay sao? nghĩ rồi vua phán: Lô-chí đã đến thì cho phép vào. Bấy giờ lòng vua lại hơi có ý hoài nghi, là xưa nay Lô-chí vốn là người bôn sên, thế chết thì thối chứ không chịu mất cho ai một đồng nào bao giờ, nay lại hẳn có sự gì lạ đây, đương nghĩ thế trông ra đã thấy Lô-chí cùng một lũ kéo nhau vào quì cả trước vua, chính tay Lô-chí đỡ hai tấm lụa định đem dâng vua, thì ngờ đâu đã bị ông Đê-Thích lấy sức thần-thông biến hai tấm lụa hóa ra hai bó cỏ khô, ông Lô-chí chết ngất người đi, sợ hãi thẹn hổ vô cùng, muốn chết đi không được, liền ngồi ngay xuống đất, lại dận đất không có lỗ để chui xuống cho xong.

Vua thấy tình trạng như thế, liền động mỗi thương tâm, bèn hỏi Lô-chí rằng: « không ngại, dù bó cỏ trăm cũng vui lòng, đừng làm ra vẻ khốn khổ thế, có việc gì cứ nói cho minh-bạch trăm nghe ». Ông Lô-chí như người bị nghẹn cổ nói: muốn tâu bệ hạ: tôi nghĩ thân tôi ngày nay có cũng như không tôi trông thấy bó cỏ đây lòng tôi thẹn hổ vô cùng, dận rằng không thể đem thân này vùi xuống cho xong.

Vua nghe Lô-chí nói lấy làm thương lắm, hỏi các người bên rằng: « trăm xem như Lô-chí có sự gì uất ức đau khổ lắm, không nói ra được lời, các người có biết ý tứ thế nào nói đỡ hẳn với. »

Mọi người nói: muốn tâu bệ-hạ hôm nay ông Lô-chí đến cốt để tâu một việc, mong bệ-hạ mở lượng hải hà sử đoán cho. Nhân hôm qua là ngày đại hội, ông Lô-chí ở nhà vừa ra ngoài thành thì có một người hình dáng giống hệt như ông không sai một ly gì cả, ở đâu đến tự xưng là Lô-chí, không

biết làm thế nào mà cả nhà bị nhầm, ai ai cũng đem lòng ái
luyến cả, thế rồi tự do hoành hành tiêu tán hết các cửa cái,
sạch sành sanh như rửa không còn chút gì, khi ông Lô-chí về,
người nhà không hiểu ai là thật ai là giả; sau người nhà
lại đánh đuổi ông này không cho ông được bén bằng lai
vãng về nhà nữa, ấy ông Lô-chí vì việc đó mà bây giờ
trong lòng mười phần áo não đau khổ đến nỗi không nói
ra được câu gì. Vua phán: ừ nếu quả như thế thì muôn
phần khổ não chứ không một, bởi vì bao công khó nhọc
vất vả gây thành cái cơ nghiệp lớn lao như thế, bỗng chốc
nay bị người khác lọt vào tự do tiêu dùng phá tán, không
những mất của mà thôi, lại còn bị người nhà đánh đập
đuổi đi, cái tình trạng như thế thì dầu người dạ sắt cũng
phải đau lòng. Thôi được, dù thế nào trăm cũng hết lòng
tra xét, cứ công lý xử đoán cho lại được về nhà hưởng
quyền như cũ. Vua lại nói: « người ở thế dan đồng nhau
kể cũng khó phân biệt thật, nhưng ở trong mình cũng còn
nhiều chỗ dấu hiệu không đúng, người ngoài không thể biết
được, nếu có biết cũng không có thể làm thế nào được, này
Lô-chí à! người chớ lo, người cứ yên tâm, trăm sẽ tra xét
kỹ càng, cốt làm cho sự thật giả rõ ràng ra. »

Bấy giờ có quan đại-thần tên là Túc-Cầu, chắp tay tâu
vua rằng: « hay lắm! hay lắm! lòng vua soi xét ví như
mặt trời đứng giữa hư không, cầm quyền công chính, tỏ
tình oan khổ, như thế thật là vạn phúc cho dân. »

Ông Lô-chí nghe được mấy câu, mừng rỡ khôn xiết, lập
tức đứng ngay giầy cúi đầu lễ trước vua tâu rằng: « muôn
tâu bệ-hạ nhà tôi có nhiều cửa cái châu báu quyết nhiên
người ngoài không thể biết hết được. »

Trong mình tôi còn có cái dấu đặc biệt người ngoài thật
muôn phần không thể biết được một, xin bệ-hạ xét minh
bạch cho con được ơn nhờ. »

Vua liền hạ lệnh sai bắt người đồng như Lô-chí đến.
Một chốc người đồng như Lô-chí đến đứng trước vua.
Vua xem kỹ hai người thì hình tướng tuồi tác cao thấp nhón
nhỏ, cười nói đi lại nhất nhất đồng nhau như một, thật chưa
từng thấy như thế bao giờ, không thể nào phân biệt được
cả. Vua phán hỏi ai là Lô-chí thật ?

Ông Đê-thích khăng khái nói: « nếu tôi sống ở đời một cách vu vơ, thà chết ngay đi cho rồi, chứ tôi sinh trưởng trong nước này, mà vua không biết lại còn phải hỏi là ai,» Vua bị Lô-chí giả nói một hồi, trong lòng có vẻ thẹn hổ, bèn nghĩ rằng: có lẽ người này là Lô-chí thật.

Vua quay lại bảo ông Lô-chí: sao, bây giờ-ngươi còn câu gì nói nữa không?

Ông Lô-chí đáp: « chính tôi là Lô-chí chứ người kia quyết nhiên không phải. Vua phán: Trẫm trông hai người như một người soi gương hóa thành hai, như thế thì làm thế nào cho người ta nhận ra thật với giả được? ông Lô-chí nói: tôi vì nổi thống khổ đó đến đây kêu vua, như người có bị bệnh đau đớn tất phải kêu cha kêu mẹ, gọi vợ gọi con, nhân dân gặp cơn tai biến oan ức tất cần đến vua, mong vua cứu giúp.

Vua phán: lời nói đó rất phải, trẫm đây đã thu thuế của dân, cần phải hết sức bảo hộ tài sản cho dân, mới hợp thiên chức, nay trẫm xem xét kỹ càng rồi đem công lý ra phán đoán có thể giải quyết được. Vua ngồi nghĩ một lát bảo người giống như Lô-chí rằng: Lô-chí xưa nay vốn tính bền vững không dời đi đâu một ly nào bao giờ; mà ngươi nay tâm tính rộng rãi làm ơn làm phúc cho mọi người, trẫm xem tình tính khác nhau như thế là rõ ràng lắm rồi, sao ngươi dám cả gan xưng là Lô-chí.

Ông Lô-chí giả đáp: « Vua phán như thế thật quá phải, song gần đây tôi mới hấp thụ được giáo hóa của Phật dạy, biết là mình phạm vào tội sên tham, đời sau tất phải đầu thai vào đạo ngã-quỉ (ma đói) chịu khổ đói khát trăm nghìn muôn năm, hết sức tìm lấy một tí máu mủ phần giải, hoặc xác người chết, cho đến hết thầy những đồ bất tịnh cũng không dẫu được, dù may mà gặp được giòng suối trong sạch cũng lại biến thành đồng than lửa ngay. Ấy sở dĩ tôi hiểu thấu cái căn bệnh sên tham, sau này phải chịu những nóng nổi khổ sở đau thương như thế, nên tôi phát tâm bố-thí, trừ sạch cái tính dè hèn xén lặn ngày trước đi.

(Còn nữa)

TRUYỆN PHẬT HÓA SINH ĐỘ THỂ

Kiếp xưa đức Phật Thích-ca vì tu-nhân tích-đức được thác sinh làm vua Đế-thích ở cung trời dao-lợi (đao-lợi).

Ngài thấy chúng-sinh ở cõi diêm-phù-đề mê muội trong vòng ngũ chúc ác thế vẫn không biết mà cảnh lĩnh, động lòng từ mẫn, ngài liền hóa sinh làm một vị sa-môn đi thuyết pháp giáo-hóa che chúng-sinh cõi đất ấy. Chúng-sinh nghe lời Phật thuyết, thấy đều sáng láng chân tâm mà mong sinh thiện niệm cả.

Một hôm trời đã tối, đức Phật và một người đệ-tử đi qua một khu rừng thì vắng-vắng nghe thấy tiếng rên-rỉ của một bệnh-nhân. Ngài liền phóng hào-quang đại-bi ra soi tỏ cả một khu rừng. Ngài thấy một người thân thể gầy còm, quần áo rách rưới bẩn thỉu, co do vì tiết lạnh trời đông, tiếng kêu khóc thát là bi ai thảm thiết.

Phật liền cởi áo cà-sa đang mặc mà khoác cho người bệnh, truyền đệ-tử đốt lửa cho sưởi. Phật lại thuyết pháp cho người ấy : « Người ta không biết cái lẽ sinh tử luân hồi, thiện ác có báo ứng, nên tạo mãi sự ác đầy dẫy lên, hoặc làm thiện mà chưa gặp thiện-quả thì lại phàn-nàn là trời Phật không công. Có người kiếp này làm thiện mà vẫn khổ sở là vì quả thiện kiếp này chưa chín mà quả ác kiếp trước đã chín rồi, phần nào chín trước thời được hưởng thụ trước. Tỉ như kiếp này người chăm tu tâm luyện lĩnh mà vẫn phải chịu khổ quả như thế này, là người phải thụ cái ác-nhân của người từ kiếp trước, song người nhất tâm tri niệm thì kiếp sau người được hưởng thụ cái thiện-quả của người tạo nên từ kiếp này.

Lặng lặng mà nghe ta kể tại làm sao mà kiếp này người làm thiện lại phải khổ sở không gặp được thiện-quả cho mà nghe.

Có một người ở nước Sát-vệ tinh khi rất hung bạo, không tin giới Phật cấm thúy ai nói đến tên Phật là chửi riếu, cho là tin nhảm. Thấy ai rách rưới thì khinh bỉ phỉ nhổ, lại phá bỏ một ngôi chùa và hủy hoại tượng Phật. Người ấy lúc là tiền-thần của người đấy, vì không tin Phật lại phá

*hủy cảnh chùa nên kiếp này phải chịu mù ; còn tội thấy ai
rách rưới thì chế riều, phỉ nhổ nên kiếp này lại phải rách
rưới bần thũ. Phật lại đọc tiếp bài kệ rằng :*

Chúng sinh mê muội nên không thấu,
Bao nhiêu ác nghiệp tạo từ xưa.
Có biết đâu mắt thần khó dấu,
Lẽ thiện ác báo ứng khôn ngờ.
Vậy phải chăm tu đừng biếng lười,
Chuyên tâm trì niệm cầu Phật trời.
Thì bao ác nghiệp đều tiêu hết,
Lấy gương thập thiện treo cùng soi.

Long-vân ĐĂNG-NGỌC-OANH

Tin các chi-hội thành lập

Ban Đại-lý địa-phương Nam-trực (Nam- định) thành lập ngày 7-6-36

Trưởng ban Đại-lý bên tăng là sư cụ Đào-đình-Thụy,
chủ trì chùa Liên-tĩnh, Nam-trực—Nam-định.

Trưởng ban Đại-lý bên tại-gia là M. Trần-xuân-Lan
Thương-tả hưu-trí xã Thứ nhất, tổng Cồ-gia, Nam-trực —
Nam-định.

Ban Đại-lý địa-phương Quần-phương-hạ Hải-hậu (Nam định) thành lập ngày 7-6-36

Trưởng ban Đại-lý bên tăng là sư cụ Bùi-xuân-Quế chủ
trì chùa xã Quần-phương, Hải-hậu — Nam-định.

Trưởng ban Đại-lý bên tại-gia là M. Nguyễn-vũ-Khuê
Chánh-tổng làng Quần-phương-Hạ, Hải-hậu — Nam-định.

◎往永嚴途中偶作

近因偕北事佛教代理內外護住
永嚴見法主車中落火燃衣偶作

其一 慧焰丹心欲授衣。真如心印印心知。證明三五生菩薩。半屬
文豪半道師。

其二 半屬文豪半道師。相期佛法日光輝。等閒以外三千界。笑向
彌陀說大悲。

其三 笑向彌陀說大悲。無窮計數總何爲。回看萬萬千千劫。誰是
塵心奪化機。

其四 誰是塵心奪化機。可憐人世每懷私。解教識破玄微理。合換
衣辰便換衣。

Bài dịch

I

Phật toan trao áo thấu lòng son,
Đôi chữ chân-như vẹn vẹn tròn;
Chững-quả năm ba ngôi Phật sống,
Văn-hào một nửa nửa sa-môn.

II

Văn-hào một nửa nửa sa-môn,
Tổ đạo từ-bi với nước non;
Thế-giới ba nghìn chưa kể với,
Truyện đời khờ-não mấy nghìn muôn.

III

Truyện đời khờ-não mấy nghìn muôn,
Muru mọo trộm khoanh luống tẻ buồn;
Xem lại xưa kia nghìn vạn kiếp,
Tranh trời nào đã thấy ai khôn.

IV

Tranh trời nào đã thấy ai khôn,
Ngán nổi lòng riêng chúng chữa chồn;
Đã biết huyền-vi là thế nhỉ,
Áo này nên đổi đổi thay luôn.

Hội Phật-giáo với Tuần-lễ Từ-thiện Hà-nội

Chi-hội Phật-giáo Văn-giang mới gửi giúp vào Tuần-lễ Từ-thiện Hà-nội 8\$51.

PHẬT-HỌC TỪ-ĐIỂN TẬP-YÊU

佛學辭典輯要

Bát-định 八定,— Bốn phép thiền-định 禪定 về sắc-giới và bốn phép không-định 空定 về vô-sắc-giới. Bốn phép thiền-định là: 1° *Sơ-thiền-định*, là phép thiền-định sẽ được sinh ở cõi trời Sơ-thiền. 2° *Đệ-nhị-thiền-định*, là phép thiền-định sẽ được sinh ở cõi trời Đệ-nhị-thiền. 3° *Đệ-tam-thiền-định* là phép thiền-định sẽ được sinh ở cõi trời Đệ-tam-thiền. 4° *Đệ-tứ-thiền-định* là phép thiền-định sẽ được sinh ở cõi trời Đệ-tứ-thiền. Bốn phép không-định 空定 là: 1° *Không-vô-biên-xứ-định* 空無邊處定 là phép thiền-định sẽ được sinh ở cõi trời vô-sắc-giới-không-vô-biên-xứ. 2° *Thức-vô-biên-xứ-định* 識無邊處定 là phép thiền-định sẽ được sinh lên cõi trời vô-sắc-giới-thức-vô-biên-xứ. 3° *Vô-sở-hữu-xứ-định* 無所有處定 là phép thiền-định sẽ được sinh lên cõi trời vô-sắc-giới vô-sở-hữu-xứ. 4° *Phi-tưởng, phi phi-tưởng-xứ-định* 非想非非想處定 là phép thiền-định sẽ được sinh lên đỉnh cõi trời vô-sắc-giới tức là phi-tưởng phi phi-xứ (câu xá luận quyển 28).

Bát-định-căn-bản 八定根本,— Phép bát-định phân ra có hai bậc là *căn-bản* và *cận-phân* 近分. Căn bản là lia hẳn cõi dục-giới mà chứng quả thiền-định ở cõi vô-sắc-giới, rồi lia hẳn cả cõi vô-sở-hữu-xứ mà chứng quả thiền-định ở cõi Phi-tưởng phi phi tưởng. Cận-phân là tuy chứng phép thiền-định nhưng còn nép phục ở cõi hạ-địa.

Bát-tông 八宗,— Đạo Phật do ở Tàu truyền sang Nhật-bản tự cổ chỉ có tám tông. Sáu tông có từ Triều Nại-lương 奈良 là *Câu-xá-tông* 俱舍宗, *Thành-thực-tông* 成實宗, *Luật-tông* 律宗, *Pháp-tướng-tông* 法相宗,

Luận-tông 論宗 và *Hoa-nghiêm-tông* 華嚴宗. Hai tông nũa đến Triều Bình-định 平定朝 mới có là: *Thiên-thai-tông* 天台宗 và *Chân-ngôn-tông* 真言宗.

Bát-cung-dưỡng 八供養, — Cung dưỡng, nhà chùa ta thường đọc là cúng-dàng. Bát cung-dưỡng hay là bát cúng-dàng là phép cúng dàng bằng tám vị Bồ-tát ở trong 37 vị về bộ kim-cương giới. Phép cúng dàng này có hai mỗi là nội-cúng và ngoại-cúng. Nội-cúng là do cái đức tam-ma-địa 三摩地 ở trong tâm Đức Đại-nhật Như-lai 大日如來 ngôi trung-ương hiện ra làm bốn đê cúng dàng cho bốn Đức Như-lai ở bốn phương. Ngoại cúng là do cái đức tam-ma-địa ở trong tâm Bốn Đức Như-lai ở bốn phương phát hiện ra làm bốn vị Bồ-tát đê cúng dàng cho Đức Đại-nhật như-lai ở trung-ương.

Nội-tứ-cung-dưỡng 內四供養, — Do tự trong tâm Đức Đại-nhật Như-lai ngôi trung-trong hiện ra vị Hi-hi Bồ-tát 嬉戲菩薩 đê cúng dàng Đức A-thiêm 阿閃 Như-lai ở Đông-phương, hiện ra vị Mạn-bồ-tát 鬘菩薩 đê cúng dàng Đức Bảo-sinh 寶生 Như-lai ở Nam-phương, hiện ra vị Ca-bồ-tát 歌菩薩 đê cúng dàng Đức A-di-đà ở Tây-phương, hiện ra, vị Vũ-bồ-tát 舞菩薩 đê cúng dàng Đức Bất-không thành-tựu 不空成就 Như-lai ở Bắc-phương. Bốn vị Bồ-tát này: vị thứ nhất là lấy răng tăm-thân tốt đẹp đáng yêu, vị thứ hai là lấy răng phục sức đẹp đẽ, vị thứ ba và vị thứ tư là lấy răng kỹ nghệ tinh-diệu.

Ngoại-tứ-cung-dưỡng 外四供養, — Bốn Đức Như-lai ở bốn phương ứng lại mỗi ngôi đều do trong tâm hiện ra một vị Nữ-bồ-tát 女菩薩 đê cúng dàng Đức Đại-nhật-như-lai ở trung-ương: Đông-phương thì Hương-bồ-tát 香菩薩, Nam-phương thì Hoa-bồ-tát 華菩薩, Tây-phương thì Đăng-bồ-tát 燈菩薩 và Bắc-phương thì Đờ-hương Bồ-tát.

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỔ

Những vị Hội-viên quá cố ghi tên sau này. Bản hội đã đến phúng viếng và ban Hộ-niệm của Hội đã cử-hành lễ tiếp dẫn tây qui khi lũng-chung, lại đã đều đặt các linh-vị để thờ tại chùa Hội-quán, và lần lượt đến tuần « Tứ-cửu » của vị nào thì làm lễ cầu Phật siêu độ cho vị ấy, để giải nghĩa đồng-đạo với nhau.

— Bà Hà-thị-Vĩnh, phố Niềm-thắng Bắc-ninh, viên-tịch ngày 24 Juillet 1935.

— Bà Nguyễn-thị-Huệ hiệu Riệu-chúc, phố Niềm-thắng Bắc-ninh, viên-tịch ngày 16 Août 1935.

— Bà Ngô-thị-Cần, Đập-cầu Bắc-ninh, viên-tịch ngày 10 Septembre 1935.

— Ông Nguyễn-đức-Lương, làng Đại-đồng ĐôngThuận-thành, Bắc-ninh, viên-tịch ngày 22 Janvier 1936.

— Bà Nguyễn-thị-Ty, làng Công-cội, Vũ-giăng Bắc-ninh, viên-tịch ngày 12 Mai 1936.

— Bà Nguyễn-thị-Hoàn tức cụ Huyện Công-cội, làng Công-cội, huyện Vũ-giăng Bắc-ninh viên-tịch ngày 4 Juin 1936.

— Bà Nguyễn-thị-Út tức Tú Vải, phố Thị-cầu Bắc-ninh, viên-tịch ngày 5 Juin 1936.

— Bà Phạm-thị-Thanh, phố Tiền-an Bắc-ninh, viên-tịch ngày 19 Juin 1936.

— Bà Phạm-thị-Thường, làng Đông-doài Thái-bình, viên-tịch ngày 25 Juin 1936.

— Bà Phùng-thị-Tuyết, phố đệ Nhị Thái-bình, viên-tịch ngày 28 Juin 1936.

— Ông Đào-ngọc-Tường, làng Đại-đồng Thái-bình, viên-tịch ngày 28 Juin 1936.

— Cụ Nguyễn-văn-La, 45 — phố Hà-trung Hanoi, viên-tịch ngày 2 Juillet 1936.

— Cụ Nguyễn-thị-Xế, ở phố Lương-yên Hanoi, viên-tịch ngày 10 Juillet 1936.